| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN ND HUYỆN G**<br>**TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 46/2019/HS-ST
Ngày 28/6/2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Vũ Thị H

*Hội thẩm nhân dân*: Ông Hoàng Đăng Đ và ông Nguyễn Mạnh D

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Minh Ng, Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình:*** Bà Nguyễn Thị L, Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2019, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/TLST- HS ngày 03/6/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST - HS ngày 13/6/2019 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Th, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (tên gọi khác: Nguyễn Văn Ph), sinh năm 1924 và bà Đặng Thị Mi (tên gọi khác: Đặng Thị M, M1), sinh năm 1933; Có vợ là Đoàn Thị Đ, sinh năm 1965 và có 03 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 1984 bị Toà án quân sự Quân khu thủ đô Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019 đến ngày 28/3/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện tại ngoại. Có mặt.

* *Người bị hại:* Ông Vũ Văn Q1, sinh năm 1953 và bà Trần Thị L, sinh năm 1957. Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Cùng vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 25/3/2019, Nguyễn Văn Q một mình điều khiển xe mô tô Wave màu trắng đen bạc BKS 34 B2- 867.93 mượn của chị Nguyễn Thị H (Con gái Q) đi từ nhà đến huyện G, tỉnh Bắc Ninh xem có nhà dân nào để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến địa phận thôn Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, Q thấy một cửa hàng thu mua phế liệu của gia đình bà Trần Thị L nên Q nảy sinh ý định đi vào nhà xem chủ nhà có sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi vào nhà, Q thấy bà L đang ở nhà một mình, Q hỏi mua 02 bao tải dứa hết 2.000đ, Q đưa cho bà L 50.000đ (mục đích để bà L lấy tiền trả lại cho Q thì Q sẽ biết chỗ bà L cất tiền). Thấy vậy, bà L lấy chiếc túi xách màu nâu tìm tiền lẻ trả lại cho

Q nhưng không có nên bà L trả lại cho Q 50.000đ. Q cầm lấy 50.000đ cất vào túi áo khoác bên phải phía trước đang mặc, đồng thời lấy 2.000đ trong túi quần bên phải phía trước Q đang mặc trả cho bà L. Lúc này, Q quan sát thấy bà L để chiếc túi xách trên ở gầm bàn uống nước nên Q nảy sinh ý định trộm cắp chiệc túi xách đó. Vì vậy, Q hỏi mua thêm 250 chiếc vỏ bao tải dứa và vỏ bao xi măng, để bà L đi tìm vỏ bao tải dứa và vỏ bao xi măng, nhân cơ hội đó, Q sẽ có cơ hội chiếm đoạt chiếc túi xách của bà L. Khi thấy bà L đang tìm, đếm vỏ bao tải dứa và vỏ bao xi măng ở vỉa hè ngay trước cửa nhà, Q đi vào bàn uống nước lấy chiếc túi xách trên, vừa kẹp vào nách bên trái và chùm áo khoác Q đang mặc thì bị ông Vũ Văn Q1 là chồng của bà L đi tập thể dục về phát hiện và tri hô quần chúng nhân dân cùng lực lượng Công an huyện G, phối hợp Công an xã B bắt quả tang.

Quá trình bắt quả tang thu giữ:

- 01 túi xách Q đang kẹp bên nách trái, chùm bên ngoài là áo khoác Q đang mặc, bên trong túi xách có 2.926.500 đồng, gồm 06 tờ tiền mệnh giá 200.000đ; 03 tờ tiền mệnh giá 100.000đ; 15 tờ tiền mệnh giá 50.000đ; 03 tờ tiền mệnh giá 10.000đ; 121 tờ tiền mệnh giá 5.000đ; 16 tờ tiền mệnh giá 2.000đ; 09 tờ tiền mệnh giá 1.000đ; 01 tờ tiền mệnh giá 500đ.

- Thu giữ của Q 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc BKS 34B2- 867.93;

- 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ tại túi áo khoác bên phải phía trước Q đang mặc.

Ngày 25/3/2019 ông Vũ Văn Q1 có đơn trình báo sự việc ông bắt quả tang Nguyễn Văn Q1 trộm cắp chiếc túi xách da màu nâu, bên trong có 2.926.500đ của gia đình ông. Cùng ngày, bà L có giấy uỷ quyền cho ông Q1 được toàn quyền tham gia tố tụng đối với việc giải quyết vụ án trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Q1, bà L không có yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự. Bà L, ông Q1đề nghị xin lại chiếc túi xách bằng da màu nâu và số tiền 2.926.500đ.

Ngày 01/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã thu hồi tờ tiền mệnh giá 2.000đ. Đây là số tiền Q1 đưa cho bà L để mua 02 bao tải dứa.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số: 41/CTr-VKS-GB, ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát huyện G truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã quy kết. Cụ thể, ngày 23/5/2019 bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền là 2.926.500đ để bên trong chiếc túi xách bằng da màu nâu của bà Trần Thị L và ông Vũ Văn Q1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên cáo trạng truy tố; Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị

HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173;  điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000đ. Trả lại cho ông Vũ Văn Q1 và bà Trần Thị L 01 túi xách da màu nâu và số tiền 2.926.500đ.

Bị cáo nhận tội, thừa nhận hành vi như  Cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát đã nêu; không tham gia tranh luận với Viện kiểm sát mà xin giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định sau:

[1] Về tố tụng: Những người bị hại vắng mặt tại phiên toà và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy những người bị hại vắng mặt không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án nên HĐXX vẫn tiếp tục xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của những người bị hại, vật chứng thu được và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để  luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 25/3/2019, tại gia đình nhà bà Trần Thị L, lợi dụng sơ hở của người bị hại, Nguyễn Văn Q đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 2.926.500đ để bên trong 01 túi xách da màu nâu.

Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trên 02 triệu đồng, do vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự- Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo không những gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân mà còn gây mất trật tự trị an trong xã hội. Với bản tính lười lao động, thích hưởng thụ, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản. Do vậy, cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy: Bị cáo Q trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 của của Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã xin lỗi người bị hại và tự nguyện bồi thường toàn bộ tài sản trộm cắp cho người bị hại,  tuy nhiên người bị hại là ông Q1, bà L từ chối nhận bồi thường của bị cáo. Do vậy, cũng cần vận dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có anh trai là thương binh và được Nhà

nước tặng thưởng huân chương kháng chiến; trong vụ án này người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do vậy, cần vận dụng cho bị cáo được hưởng thêm hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Mặc dù bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 1984 bị Toà án quân sự quân khu thủ đô Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", tuy nhiên từ khi chấp hành xong hình phạt đến trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt đường lối chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, không có vi phạm gì, số tiền bị cáo chiếm đoạt chỉ trên 02 triệu, tài sản chiếm đoạt đã kịp thời thu hồi để trả cho người bị hại. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời thể hiện được chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước.

[5] Xét bị cáo đều không có tài sản riêng, bị cáo không coi việc thực hiện tội phạm như một nghề để kiếm sống, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại yêu cầu nhận lại chiếc túi xách và toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt được, đồng thời không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác, do vậy, cần chấp nhận yêu cầu này của những người bị hại.

Đối với 01 xe mô tô Wave màu trắng đen bạc, BKS 34B- 867.93 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị H, chị H không biết bị cáo mượn xe để đi trộm cắp tài sản, do vậy, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là phù hợp.

Đối với 01 túi xách của bà L, quá trình điều tra bà L xác nhận chiếc túi xách này bà L mua của người bán hàng rong qua đường, được khoảng 12- 13 năm, thời điểm mua chỉ có giá khoảng 20.000đ, đến nay không còn giá trị nên bà không đề nghị định giá. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G không tiến hành định giá giá trị chiếc túi xách của bà L là phù hợp.

[7] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát buộc tội bị cáo về tội đã truy và đề nghị mức hình phạt là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt:

**Nguyễn Văn Q 08 (Tám)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Th, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000đ.

Trả lại cho ông Vũ Văn Q1 và bà Trần Thị L 01 túi xách da màu nâu và số tiền 2.926.500đ (gồm 06 tờ tiền mệnh giá 200.000đ; 03 tờ tiền mệnh giá 100.000đ; 15 tờ tiền mệnh giá 50.000đ; 03 tờ tiền mệnh giá 10.000đ; 121 tờ tiền mệnh giá 5.000đ; 16 tờ tiền mệnh giá 2.000đ; 09 tờ tiền mệnh giá 1.000đ; 01 tờ tiền mệnh giá 500đ).

Vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- *Tòa án tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKS và THADS huyện G;*
- *Cán bộ thi hành án hình sự;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng.*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị H**